

Câu 9: X là axit hữu cơ mạch hở có chứa 2 liên kết π trong phân tử. X tác dụng với NaHCO_3 dư thu được số mol CO_2 bằng số mol của X phản ứng. Công thức tổng quát của X là

- A. $\text{C}_n\text{H}_{2n-2}\text{O}_2$ ($n \geq 3$). B. $\text{C}_n\text{H}_{2n}\text{O}_4$ ($n \geq 2$). C. $\text{C}_n\text{H}_{2n-2}\text{O}_4$ ($n \geq 2$). D. $\text{C}_n\text{H}_{2n}\text{O}_2$ ($n \geq 1$).

Câu 10: Loại phân bón hoá học có tác dụng kích thích cây cối sinh trưởng, ra nhiều lá, nhiều hoa và phù hợp với các loại đất phèn là

- A. NH_4NO_3 . B. $\text{Ca}(\text{NO}_3)_2$. C. $\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$. D. KCl .

Câu 11: Cho dãy các chất: $(\text{NH}_2)_2\text{CO}$, NH_4Cl , $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$, NaHCO_3 , ZnCl_2 , FeCl_2 , KCl . Số chất trong dãy tác dụng với dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ dư tạo thành kết tủa sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn là

- A. 2. B. 5. C. 4. D. 3.

Câu 12: Cho các polime sau đây: (1) tơ tằm; (2) sợi bông; (3) sợi đay; (4) tơ enang; (5) tơ visco; (6) nilon-6,6; (7) tơ axetat. Số loại polime có nguồn gốc xenlulozơ là

- A. 4. B. 2. C. 5. D. 3.

Câu 13: Cho các chất sau: Al ; $\text{HOOCCH}_2\text{CH}_2\text{CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$; $\text{Al}(\text{OH})_3$; CrO_3 ; ZnO ; NaHCO_3 ; $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOCH}_3$; CuSO_4 ; NaHSO_4 . Theo Bronsted, số chất lưỡng tính là

- A. 7. B. 4. C. 8. D. 6.

Câu 14: Dung dịch chứa muối X không làm quỳ tím hóa đỏ; dung dịch chứa muối Y làm quỳ tím hóa đỏ. Trộn hai dung dịch muối này với nhau thì vừa có kết tủa vừa có khí bay ra. X và Y lần lượt là hai dung dịch muối nào dưới đây?

- A. $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$ và KHSO_4 . B. $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$ và $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$.
C. Na_2SO_4 và $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$. D. $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$ và $(\text{NH}_4)_2\text{CO}_3$.

Câu 15: Cho các chất: $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_3\text{Cl}$ (phenylamoni clorua), $\text{C}_6\text{H}_5\text{Cl}$ (phenyl clorua), $\text{C}_2\text{H}_5\text{Cl}$, NaHCO_3 , CO , CO_2 , $\text{Zn}(\text{OH})_2$, $\text{Mg}(\text{OH})_2$, HF , Cl_2 , NH_4Cl . Số chất tác dụng được với dung dịch NaOH loãng, đun nóng là

- A. 8. B. 5. C. 6. D. 7.

Câu 16: Cho các chất sau: $\text{C}_2\text{H}_3\text{Cl}$, C_2H_4 , C_2H_6 , $\text{C}_2\text{H}_3\text{COOH}$, $\text{C}_6\text{H}_{11}\text{NO}$ (caprolactam), vinyl axetat, phenyl axetat. Số các chất trong dãy có khả năng tham gia phản ứng trùng hợp là

- A. 3. B. 6. C. 4. D. 5.

Câu 17: Cho 14 gam bột Fe vào 400ml dung dịch X gồm: AgNO_3 0,5M và $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ xM. Khuấy nhẹ cho tới khi phản ứng kết thúc thu được 30,4 gam chất rắn Y và dung dịch Z. Cho Z tác dụng với dung dịch NaOH dư thì thu được kết tủa một hidroxit kim loại. Giá trị của x là

- A. 0,1. B. 0,125. C. 0,2. D. 0,15.

Câu 18: Người ta dự kiến điều chế oxi theo các quá trình dưới đây:

- 1) Điện phân H_2O . 2) Phân hủy H_2O_2 với chất xúc tác MnO_2 .
3) Điện phân dung dịch CuSO_4 . 4) Chung cất phân đoạn không khí lỏng.
5) Điện phân dung dịch NaOH . 6) Nhiệt phân KClO_3 với xúc tác MnO_2

Số quá trình thường áp dụng để điều chế O_2 trong phòng thí nghiệm là

- A. 3. B. 2. C. 4. D. 5.

Câu 19: Đun nóng 34,2 gam mantozơ trong dung dịch axit sunfuric loãng. Trung hòa dung dịch thu được sau phản ứng bằng dung dịch NaOH rồi cho tác dụng hoàn toàn với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ dư, đun nóng thu được 37,8 gam Ag . Hiệu suất phản ứng thủy phân mantozơ là

- A. 87,5%. B. 69,27%. C. 62,5%. D. 75,0%.

Câu 20: Cho cân bằng hoá học sau: $\text{CaCO}_3(r) \rightleftharpoons \text{CaO}(r) + \text{CO}_2(k)$ $\Delta H > 0$

Trong các yếu tố: (1) tăng nhiệt độ; (2) thêm một lượng CaCO_3 ; (3) lấy bớt CO_2 ra; (4) tăng áp suất chung của hệ. Số yếu tố làm thay đổi cân bằng của hệ là

- A. 3. B. 4. C. 2. D. 1.

Câu 21: Dãy gồm các chất trong phân tử chỉ chứa một loại liên kết là

- A. HF , HClO , KF , H_2O . B. NaF , Na_2O , CaCl_2 , KBr .
C. NaF , NaCl , NaNO_3 , KI . D. HF , H_2S , HCl , NH_4NO_3 .

Câu 22: Cho 13,92 gam Fe_3O_4 tác dụng hoàn toàn với dung dịch HNO_3 , sau phản ứng thu được dung dịch X và 0,448 lít khí N_xO_y (sản phẩm khử duy nhất ở đktc). Khối lượng HNO_3 nguyên chất đã tham gia phản ứng là

- A. 12,4 gam. B. 17,64 gam. C. 35,28 gam. D. 33,48 gam.

Câu 23: Cho 12,55 gam muối $\text{CH}_3\text{CH}(\text{NH}_3\text{Cl})\text{COOH}$ tác dụng với 150ml dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ 1M. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là

- A. 18,95. B. 26,05. C. 34,60. D. 36,40.

Câu 24: Cho m gam hỗn hợp Y gồm axit axetic, phenol, ancol etylic tác dụng vừa đủ với Na thu được 19,6 gam hỗn hợp muối X. Đốt cháy hoàn toàn X thu được 10,6 gam muối cacbonat. Nếu cho 30,4 gam hỗn hợp Y trên tác dụng với Na dư thì thu được V lít H_2 (đktc). Giá trị của V là

- A. 6,72. B. 4,48. C. 9,68. D. 3,36.

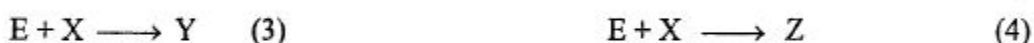
Câu 25: Cho hỗn hợp X gồm Zn, Fe vào dung dịch chứa AgNO_3 và $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$, sau phản ứng thu được hỗn hợp Y gồm 2 kim loại và dung dịch Z. Cho NaOH dư vào dung dịch Z thu được kết tủa gồm hai hidroxit kim loại. Dung dịch Z chứa

- A. $\text{Zn}(\text{NO}_3)_2$, AgNO_3 , $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$. B. $\text{Zn}(\text{NO}_3)_2$, $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$.
C. $\text{Zn}(\text{NO}_3)_2$, $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$, $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$. D. $\text{Zn}(\text{NO}_3)_2$, $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$, $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$.

Câu 26: X là một anđehit mạch hở. Để tác dụng hoàn toàn với V lít hơi X cần tối đa 3V lít H_2 (Ni, t°) thu được chất hữu cơ Y. Cho toàn bộ Y tác dụng với Na dư thu được V lít H_2 . Mặt khác đốt cháy hoàn toàn m gam X thu được 44 gam CO_2 và 9 gam H_2O . Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn, các thể tích khí đo ở cùng điều kiện. Công thức của X và giá trị m lần lượt là

- A. $\text{OHC}-\text{C}=\text{C}-\text{CHO}$ và 21,0. B. $\text{OHC}-\text{CH}_2-\text{CH}_2-\text{CHO}$ và 21,5.
C. $\text{CH}_3-\text{C}\equiv\text{C}-\text{CHO}$ và 17,0. D. $\text{OHC}-\text{C}\equiv\text{C}-\text{CHO}$ và 20,5.

Câu 27: X, Y, Z là các hợp chất vô cơ của một kim loại, khi đốt nóng ở nhiệt độ cao đều cho ngọn lửa màu vàng, biết:



Biết E là hợp chất của cacbon. X, Y, Z, E lần lượt là

- A. KOH , KHCO_3 , CO_2 , K_2CO_3 . B. NaOH , Na_2CO_3 , CO_2 , NaHCO_3 .
C. NaOH , NaHCO_3 , Na_2CO_3 , CO_2 . D. NaOH , Na_2CO_3 , NaHCO_3 , CO_2 .

Câu 28: Hỗn hợp gồm hidrocarbon X và oxi có tỉ lệ số mol tương ứng là 1 : 10. Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp trên thu được hỗn hợp khí Y. Cho Y qua dung dịch H_2SO_4 đặc, thu được hỗn hợp khí Z có tỉ khối đối với hidro bằng 19. Số đồng phân cấu tạo của X có khả năng làm mất màu dung dịch brom là

- A. 5. B. 6. C. 4. D. 3.

Câu 29: Cho 2,76 gam chất hữu cơ X gồm C, H, O tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ sau đó chưng khô thì phân bay hơi chỉ có nước và còn lại 2 muối của Na có khối lượng 4,44 gam. Nung nóng 2 muối này trong oxi dư, phản ứng hoàn toàn thu được 2,464 lít CO_2 (đktc); 3,18 gam Na_2CO_3 và 0,9 gam H_2O . Biết công thức phân tử của X trùng với công thức đơn giản nhất. X là

- A. $\text{HO}-\text{C}_6\text{H}_4-\text{COOH}$. B. $\text{HCOO}-\text{C}_6\text{H}_4-\text{OH}$.
C. $\text{HO}-\text{C}_6\text{H}_4-\text{COOCH}_3$. D. $\text{CH}_3\text{COO}-\text{C}_6\text{H}_4-\text{OH}$.

Câu 30: Trộn 21,6 gam bột Al với m gam hỗn hợp X (gồm FeO , Fe_2O_3 và Fe_3O_4) được hỗn hợp Y. Nung Y ở nhiệt độ cao trong điều kiện không có không khí đến phản ứng hoàn toàn thu được hỗn hợp rắn Z. Cho Z tác dụng với dung dịch NaOH dư thu được 6,72 lít khí. Nếu cho Z tác dụng với dung dịch HNO_3 loãng, dư thì thu được 19,04 lít NO (sản phẩm khử duy nhất). Biết các thể tích khí đo ở đktc. Giá trị của m là

- A. 50,8. B. 58,6. C. 46,0. D. 62,0.

Câu 31: Cho 7,8 gam kali tác dụng với 1 lít dung dịch HCl 0,1M sau phản ứng thu được dung dịch X và V lít H_2 (đktc). Cô cạn dung dịch X thu được m gam chất rắn khan. Giá trị của V và m lần lượt là

- A. 2,24 và 7,45. B. 2,24 và 13,05. C. 1,12 và 11,35. D. 1,12 và 3,725.

Câu 32: Cho các thuốc thử sau: (1) dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$; (2) dung dịch Br_2 ; (3) dung dịch KMnO_4 ; (4) dung dịch H_2S ; (5) dung dịch NaOH; (6) dung dịch BaCl_2 . Số thuốc thử có thể dùng để phân biệt 2 khí CO_2 và SO_2 là

- A. 4. B. 2. C. 3. D. 5.

Câu 33: Hấp thụ hoàn toàn V lít CO_2 (ở đktc) vào bình đựng 200 ml dung dịch X (NaOH 1M và Na_2CO_3 0,5M). Kết tinh dung dịch thu được sau phản ứng (chỉ làm bay hơi nước) thì thu được 19,9 gam chất rắn khan. Giá trị V là

- A. 2,24. B. 3,36. C. 5,6. D. 1,12.

Câu 34: Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp Z gồm hai axit cacboxylic X và Y kế tiếp nhau trong cùng dãy đồng đẳng ($M_X > M_Y$) cần tối thiểu 14,784 lít O_2 (đktc). Sản phẩm cháy cho hấp thụ hết vào bình đựng dung dịch $Ca(OH)_2$ dư thu được 60 gam kết tủa và khối lượng dung dịch thu được sau phản ứng giảm 22,8 gam so với dung dịch $Ca(OH)_2$ ban đầu. Thành phần % khối lượng của X có trong Z là

- A. 50,0%. B. 55,22% C. 44,78%. D. 56,32%.

Câu 35: Cho các dung dịch: $Fe(NO_3)_3 + AgNO_3$, $FeCl_3$, $CuCl_2$, HCl , $CuCl_2 + HCl$, $ZnCl_2$. Nhúng vào mỗi dung dịch một thanh Fe. Số trường hợp có thể xảy ra ăn mòn điện hóa là

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 2.

Câu 36: Hợp chất thơm X có phần trăm khối lượng các nguyên tố: 67,742% C; 6,451% H, còn lại là oxi. Tỉ khối hơi của X đối với H_2 nhỏ hơn 100. Cho 18,6 gam X phản ứng với dung dịch chứa 0,3 mol NaOH thì thấy vừa đủ. Số công thức cấu tạo phù hợp của X là

- A. 7. B. 5. C. 3. D. 6.

Câu 37: Hoà tan hoàn toàn hỗn hợp X gồm Mg, Zn trong bình đựng a mol HNO_3 thu được hỗn hợp khí Y (gồm b mol NO và c mol N_2O) và dung dịch Z (không chứa muối amoni). Thêm V lít dung dịch NaOH 1M vào dung dịch Z thì thu được lượng kết tủa lớn nhất. Biểu thức liên hệ giữa V với a, b và c là

- A. $V = a - b - 2c$ B. $V = a - b - c$ C. $V = a + 3b + 8c$ D. $V = a + 4b + 10c$

Câu 38: Cho 13,6 hỗn hợp bột X (gồm Fe và Mg) vào 200 ml dung dịch $CuSO_4$ 1M. Sau khi phản ứng kết thúc thu được chất rắn Y và dung dịch Z. Cho chất rắn Y tác dụng với dung dịch HCl (dư) thu được 2,24 lít H_2 (ở đktc). Cho NaOH dư vào dung dịch Z thu được kết tủa hai hidroxit kim loại. % khối lượng của Fe có trong X là

- A. 66,67%. B. 82,35. C. 58,82%. D. 17,65%.

Câu 39: Hấp thụ hoàn toàn 10,8 gam hỗn hợp (gồm CO_2 và SO_2) có tỉ khối hơi so với H_2 bằng 27 vào 2 lít dung dịch $Ba(OH)_2$ 0,075M được kết tủa và dung dịch Y. Biết khí 2 khí tạo ra kết tủa hay hoàn tan kết tủa đều có tỉ khối hơi so với H_2 bằng 27. Khối lượng dung dịch Y so với khối lượng dung dịch $Ba(OH)_2$ ban đầu

- A. tăng 9,9 gam. B. tăng 10,8 gam. C. giảm 20,7 gam. D. giảm 9,9 gam

Câu 40: Có bao nhiêu nguyên tố hoá học mà nguyên tử có số thứ tự ≤ 20 có 2 electron độc thân ở lớp ngoài cùng?

- A. 5. B. 2. C. 3. D. 4.

II. PHẦN RIÊNG [10 câu]

A. Theo chương trình Chuẩn (10 câu, từ câu 41 đến câu 50)

Câu 41: Cho 4,06 gam andehit X, mạch hở tác dụng với lượng dư dung dịch $AgNO_3/NH_3$. Toàn bộ lượng Ag thu được cho tác dụng hết với dung dịch HNO_3 đặc, nóng, dư thu được 3,248 lít khí (đktc). Mặt khác cho 4,06 gam X tác dụng với H_2 dư (Ni, t°) thu được m gam chất hữu cơ Y (Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn, tỉ khối hơi của X so với N_2 nhỏ hơn 4). Giá trị của m là

- A. 4,205. B. 4,2. C. 4,35. D. 8,7.

Câu 42: Cho 0,46 gam Na vào 20 gam dung dịch giấm ăn (chứa 4,2% CH_3COOH). Sau khi kết thúc phản ứng, đem cô cạn dung dịch thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là

- A. 0,8. B. 1,388. C. 1,286. D. 1,148.

Câu 43: Cho Cu vào dung dịch $FeCl_3$; H_2S vào dung dịch $CuSO_4$; HI vào dung dịch $FeCl_3$; dung dịch $AgNO_3$ vào dung dịch $Fe(NO_3)_3$; dung dịch HCl vào dung dịch $Fe(NO_3)_2$. Số cặp chất phản ứng với nhau là

- A. 5. B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 44: Cho các dung dịch có cùng nồng độ: CH_3COONa (1), H_2SO_4 (2), HCl (3), $NaNO_3$ (4). Giá trị pH của các dung dịch được sắp xếp theo chiều tăng từ trái sang phải là

- A. (3), (2), (4), (1). B. (1), (2), (3), (4). C. (4), (1), (2), (3). D. (2), (3), (4), (1).

Câu 45: Hoà tan hoàn toàn m gam hỗn hợp gồm FeS_2 và Cu_2S vào dung dịch axit HNO_3 sau phản ứng thu được dung dịch X (chỉ chứa hai chất tan) với tổng khối lượng là 43,2 gam. Giá trị của m là

- A. 24,0. B. 26,4. C. 7,84. D. 33,6.

Câu 46: Đốt cháy hoàn toàn một ancol X thì số mol CO_2 thu được bằng 75% số mol H_2O tạo thành; tổng số mol CO_2 và H_2O bằng $\frac{14}{9}$ lần tổng số mol X và O_2 đã phản ứng. Cho 6,9 gam X tác dụng với Na dư thì thu được V lít H_2 (đktc). Giá trị của V là

- A. 1,12. B. 2,52. C. 1,288. D. 1,68.

Câu 47: Đun nóng dung dịch chứa 18 gam hỗn hợp glucozơ và fructozơ với lượng dư $\text{Cu}(\text{OH})_2$ trong môi trường kiềm tới khi phản ứng hoàn toàn thu được m gam kết tủa Cu_2O . Giá trị của m là

- A. 3,60. B. 14,4. C. 5,40. D. 7,20.

Câu 48: Cho các dung dịch: HCl , FeCl_3 , H_2SO_4 , NaHSO_4 , CH_3COOH , Na_2CO_3 , HNO_2 . Số lượng dung dịch tác dụng được với dung dịch dimetylamin là

- A. 5. B. 4. C. 6. D. 3.

Câu 49: Nhiệt phân hoàn toàn hỗn hợp gồm $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2 + \text{AgNO}_3$ thu được hỗn hợp khí có tỉ khối so với H_2 bằng 21,25. Phần trăm khối lượng của $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ trong hỗn hợp là

- A. 72,6%. B. 61,5%. C. 52,5% D. 58,4%.

Câu 50: Tác nhân chủ yếu gây mưa axit là

- A. CO và CO_2 . B. CH_4 và NH_3 . C. SO_2 và NO_2 . D. CO và CH_4 .

B. Theo chương trình Nâng cao (10 câu, từ câu 51 đến câu 60)

Câu 51: Cho 50 ml dung dịch X chứa 3,51 gam hỗn hợp saccarozơ và glucozơ phản ứng với lượng dư AgNO_3 trong dung dịch NH_3 , thu được 2,16 gam Ag. Đun nóng 100 ml dung dịch X với 100 ml dung dịch H_2SO_4 0,05M cho đến khi phản ứng hoàn toàn thu được dung dịch Y, giả thiết thể tích dung dịch không thay đổi. Nồng độ mol/l của glucozơ có trong dung dịch Y là

- A. 0,10M. B. 0,25M. C. 0,20M. D. 0,15M.

Câu 52: X, Y là 2 andêhit no có cùng số nguyên tử C trong phân tử. Đốt cháy hoàn toàn 13 gam hỗn hợp (X, Y) thu được 0,6 mol CO_2 và 0,5 mol H_2O . Xác định X, Y và tính % khối lượng của mỗi chất trong hỗn hợp.

- A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{CHO}$: 44,6% và $\text{CH}_2(\text{CHO})_2$: 55,4% B. CH_3CHO : 35% và $(\text{CHO})_2$: 65%
C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{CHO}$: 43% và $\text{CH}_2(\text{CHO})_2$: 57% D. $\text{C}_2\text{H}_4(\text{CHO})_2$: 65% và $\text{CH}_3\text{CH}(\text{CHO})_2$: 35%

Câu 53: Xét cân bằng hoá học của một số phản ứng:

- 1) $\text{Fe}_2\text{O}_3(\text{r}) + 3\text{CO}(\text{k}) \rightleftharpoons 2\text{Fe}(\text{r}) + 3\text{CO}_2(\text{k})$ 2) $\text{CaO}(\text{r}) + \text{CO}_2(\text{k}) \rightleftharpoons \text{CaCO}_3(\text{r})$
3) $\text{N}_2\text{O}_4(\text{k}) \rightleftharpoons 2\text{NO}_2(\text{k})$ 4) $\text{H}_2(\text{k}) + \text{I}_2(\text{k}) \rightleftharpoons 2\text{HI}(\text{k})$
5) $2\text{SO}_2(\text{k}) + \text{O}_2(\text{k}) \rightleftharpoons 2\text{SO}_3(\text{k})$

Khi tăng áp suất, cân bằng hoá học bị dịch chuyển ở các hệ:

- A. 1, 3, 4, 5. B. 1, 2, 4, 5. C. 2, 3, 5. D. 1, 2, 3, 4, 5.

Câu 54: Đem nung 66,2 gam $\text{Pb}(\text{NO}_3)_2$ một thời gian thu được 53,24 gam chất rắn và V lít khí (ở đktc). Giá trị của V và hiệu suất phản ứng nhiệt phân lần lượt là

- A. 6,72 và 60,00% B. 9,01 và 80,42% C. 6,72 và 50,00% D. 4,48 và 60,00%

Câu 55: Hiện tượng nào dưới đây đã được mô tả *không* đúng?

- A. Thổi khí NH_3 qua CrO_3 đun nóng thấy chất rắn chuyển từ màu đỏ thẫm sang màu lục thẫm.
B. Nung $\text{Cr}(\text{OH})_2$ trong không khí đến khối lượng không đổi thu được chất rắn màu đen.
C. Đun nóng S với $\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7$ thấy chất rắn chuyển từ màu da cam sang màu lục thẫm.
D. Đốt CrO trong không khí thấy chất rắn chuyển từ màu đen sang màu lục thẫm.

Câu 56: Để đánh giá sự ô nhiễm kim loại nặng trong nước thải của một nhà máy, người ta lấy một ít nước, cô đặc rồi thêm dung dịch Na_2S vào thấy xuất hiện kết tủa màu vàng. Hiện tượng trên chứng tỏ nước thải bị ô nhiễm bởi ion

- A. Pb^{2+} . B. Fe^{2+} . C. Cu^{2+} . D. Cd^{2+} .

Câu 57: Hóa hơi 31,04 gam hỗn hợp gồm một axit no, đơn chức X và một axit no, đa chức Y (Y có mạch cacbon không phân nhánh) và số mol của X lớn hơn Y, thu được một thể tích hơi bằng thể tích của 11,2 gam N_2 (đo trong cùng điều kiện nhiệt độ, áp suất). Nếu đốt cháy toàn bộ hỗn hợp hai axit trên thì thu được 42,24 gam CO_2 . Thành phần phần trăm khối lượng của X trong hỗn hợp ban đầu bằng:

- A. 46,39% B. 35,25% C. 65,15% D. 55,25%

Câu 58: Khi thủy phân hoàn toàn 0,1 mol peptit X mạch hở (X tạo bởi từ các amino axit có một nhóm amino và một nhóm cacboxylic) bằng lượng dung dịch NaOH gấp đôi lượng cần phản ứng, cô cạn dung dịch thu được hỗn hợp chất rắn tăng so với khối lượng X là 78,2 gam. Số liên kết peptit trong X là

- A. 9. B. 10. C. 18. D. 20.



ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ ĐẠI HỌC LẦN THỨ V NĂM 2012

MÔN HOÁ HỌC

Câu	Mã đề thi				Câu	Mã đề thi			
	251	252	253	254		251	252	253	254
1	C	B	B	B	31	B	A	C	D
2	A	C	D	D	32	C	A	D	D
3	D	B	B	C	33	D	C	C	D
4	C	B	B	C	34	B	C	B	D
5	C	B	A	A	35	A	C	D	D
6	D	C	D	B	36	D	D	D	A
7	D	A	B	C	37	A	C	A	A
8	D	A	B	C	38	B	C	A	C
9	A	A	C	C	39	D	B	C	A
10	B	B	D	C	40	D	C	A	D
11	C	C	A	A	41	C	A	A	D
12	A	A	A	D	42	B	B	C	A
13	B	D	C	A	43	D	A	B	B
14	A	C	D	C	44	D	D	C	B
15	A	B	A	B	45	A	D	B	D
16	D	A	C	D	46	B	B	A	B
17	B	C	C	A	47	B	B	A	C
18	B	D	C	A	48	C	D	C	D
19	D	C	D	D	49	C	D	D	D
20	A	D	A	B	50	C	C	D	D
21	B	D	C	B	51	D	C	D	B
22	C	A	D	B	52	A	B	B	C
23	C	D	C	B	53	C	A	D	B
24	B	A	B	C	54	A	B	B	C
25	C	D	C	A	55	B	D	A	B
26	A	B	A	A	56	D	A	B	A
27	C	D	C	A	57	A	D	B	B
28	C	B	B	C	58	A	A	B	C
29	B	A	D	A	59	B	D	A	A
30	A	C	A	C	60	D	B	D	B